

1

NỘI DUNG CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND, ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã)

ĐVT: Đồng																
STT	Nội dung	Tổng chuyển nguồn năm 2025	Chuyển nguồn cấp có thẩm quyền xét duyệt	Chia ra		Chuyển nguồn theo quy định Không xin ý kiến xét duyệt của cấp có thẩm quyền	Chia ra		0961	0963	0964	0965	0967	0968	Tên đơn vị thực hiện	Nội dung
				Chuyển nguồn dự toán	Chuyển nguồn tạm ứng			Chuyển nguồn tạm ứng	Kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước	Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc	Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng vào năm nay	Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội		
B3	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	12.280.443.163	0		0	12.280.443.163	12.280.443.163	0	0	0	0	0	0	12.280.443.163		
B3.1	Vốn đầu tư	320.251.234	0		0	320.251.234	320.251.234	0	0	0	0	0	0	320.251.234		
I	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới															
II	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	320.251.234	0		0	320.251.234	320.251.234	0	0	0	0	0	0	320.251.234		Thực hiện theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025
1	Dự án 1	11.372.000	0		0	11.372.000	11.372.000	0	0	0	0	0	0	11.372.000		
	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Đắk Pung, xã Đắk Rơ Nga	11.372.000	0			11.372.000	11.372.000							11.372.000	Phòng Kinh tế xã	
2	Dự án 4	300.760.234	0		0	300.760.234	300.760.234	0	0	0	0	0	0	300.760.234		
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS xã Đắk Rơ Nga; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	110.612.040	0			110.612.040	110.612.040							110.612.040	Phòng Kinh tế xã	
	Đường nội đồng thôn Đắk No (đoạn từ nhà ông Lê Văn Lai đến ruộng ông A Phụng)	26.580.000	0			26.580.000	26.580.000							26.580.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Đường đi sản xuất thôn Đắk Nu, Đắk Tăng (Đoạn từ trạm y tế đến rẫy ông A Bem)	11.630.000	0			11.630.000	11.630.000							11.630.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Bê tông hóa đường nội thôn Đắk Chờ (Đoạn từ nhà ông A Hjan đến A Chắc)	11.236.000	0			11.236.000	11.236.000							11.236.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Nu (đoạn từ rẫy ông A Pheh đến A Thèo)	6.707.051	0			6.707.051	6.707.051							6.707.051	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Kiến cố hóa kênh mương thủy lợi Đắk Hiêm, Đắk Nu	2.073.000	0			2.073.000	2.073.000							2.073.000	Phòng Kinh tế xã	
	Đường thôn Đắk Chờ (đoạn nhà máy nước)	5.878.000	0			5.878.000	5.878.000							5.878.000	Phòng Kinh tế xã	
	Đường nội đồng thôn Đắk Nu (đoạn từ nhà ông A Dim đến ruộng ông A Thun)	28.984.000	0			28.984.000	28.984.000							28.984.000	Phòng Kinh tế xã	
	Đường giao GTNT thôn Đắk Dê (từ đoạn nhà Y Khuya đến nhà ông A Tạo)	3.741.000	0			3.741.000	3.741.000							3.741.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Đường đi khu sản xuất Te Peh, Đắk Manh II	2.809.000	0			2.809.000	2.809.000							2.809.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Manh I (gần rẫy Ông A Phê); Hạng mục: Công trần và đường hai đầu cống	9.316.000	0			9.316.000	9.316.000							9.316.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Đường GTNT thôn Đắk Manh II (Đoạn từ đầu đường bê tông nhà Ông A Nô đến trường trung học bán trú)	5.820.000	0			5.820.000	5.820.000							5.820.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Làm mới kênh mương nội đồng thôn Đắk Manh II	1.716.000	0			1.716.000	1.716.000							1.716.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Đường đi khu sản xuất Đắk Kon	7.413.143	0			7.413.143	7.413.143							7.413.143	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Manh II (Từ đất nhà bà Y Dương đến đất nhà ông A Nào)	3.868.000	0			3.868.000	3.868.000							3.868.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Manh II (từ đất ông A Kẩn đến đất ông A Lái)	5.782.000	0			5.782.000	5.782.000							5.782.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Đường GTNT thôn Đắk Dê (từ đất Ông A Thọ đến đất Ông A Công)	11.689.000	0			11.689.000	11.689.000							11.689.000	Phòng Kinh tế xã	Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030
	Đường GTNT thôn Đắk Dê (từ đường ĐH53 đến đất ông A Xương)	24.736.000	0			24.736.000	24.736.000							24.736.000	Phòng Kinh tế xã	
	Đường GTNT thôn Đắk Manh I (từ đất bà Y Niu đến đất bà Y Bung)	20.170.000	0			20.170.000	20.170.000							20.170.000	Phòng Kinh tế xã	

			Chuyển nguồn cấp có thẩm quyền xét duyệt	Chia ra		Chuyển nguồn theo quy định Không xin ý kiến xét duyệt của cấp có thẩm quyền	Chia ra								0968		
				Chuyển nguồn dự toán	Chuyển nguồn tạm ứng		Chuyển nguồn dự toán	Chuyển nguồn tạm ứng	Kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành dấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội	Kinh phí được giao từ chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước	Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chỉ, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc	Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách đã được đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng vào năm nay	Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội			
3	Dự án 6	8.119.000	0		0	8.119.000	8.119.000	0	0	0	0	0	0	8.119.000			
	Khu thể thao thôn Đăk Dê, xã Đăk Rơ Nga	8.119.000	0			8.119.000	8.119.000							8.119.000	Phòng Kinh tế xã		
B3.2	Vốn sự nghiệp	11.960.191.929	0		0	11.960.191.929	11.960.191.929	0	0	0	0	0	0	11.960.191.929		Thực hiện theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025	
I	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	30.000.000	0		0	30.000.000	30.000.000	0	0	0	0	0	0	30.000.000		Thực hiện theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025	
	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn	30.000.000	0		0	30.000.000	30.000.000	0	0	0	0	0	0	30.000.000			
	Phòng Kinh tế xã	30.000.000	0			30.000.000	30.000.000							30.000.000	Phòng Kinh tế xã		
II	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	1.183.426.725	0		0	1.183.426.725	1.183.426.725	0	0	0	0	0	0	1.183.426.725		Thực hiện theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025	
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (10472)	402.340.000	0		0	402.340.000	402.340.000	0	0	0	0	0	0	402.340.000			
	Phòng Kinh tế xã	402.340.000	0			402.340.000	402.340.000							402.340.000	Phòng Kinh tế xã		
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (10473)	171.712.480	0		0	171.712.480	171.712.480	0	0	0	0	0	0	171.712.480			
2.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	167.565.360	0		0	167.565.360	167.565.360	0	0	0	0	0	0	167.565.360			
	Phòng Kinh tế xã	167.565.360	0			167.565.360	167.565.360							167.565.360	Phòng Kinh tế xã		
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng	4.147.120	0		0	4.147.120	4.147.120	0	0	0	0	0	0	4.147.120			
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	4.147.120	0			4.147.120	4.147.120							4.147.120	Phòng Văn hóa - Xã hội xã		
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (10474)	553.400.600	0		0	553.400.600	553.400.600	0	0	0	0	0	0	553.400.600			
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	221.000.000	0		0	221.000.000	221.000.000	0	0	0	0	0	0	221.000.000			
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	221.000.000	0			221.000.000	221.000.000							221.000.000	Phòng Văn hóa - Xã hội xã		
3.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	332.400.600	0		0	332.400.600	332.400.600	0	0	0	0	0	0	332.400.600			
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	332.400.600	0			332.400.600	332.400.600							332.400.600	Phòng Văn hóa - Xã hội xã		
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (10476)	28.444.181	0		0	28.444.181	28.444.181	0	0	0	0	0	0	28.444.181			
4.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	28.000.000	0		0	28.000.000	28.000.000	0	0	0	0	0	0	28.000.000			
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	28.000.000	0			28.000.000	28.000.000							28.000.000	Phòng Văn hóa - Xã hội xã		
4.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	444.181	0		0	444.181	444.181	0	0	0	0	0	0	444.181			
	Phòng Kinh tế xã	444.181	0			444.181	444.181							444.181	Phòng Kinh tế xã		
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (10477)	27.529.464	0		0	27.529.464	27.529.464	0	0	0	0	0	0	27.529.464			
5.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	301.340	0		0	301.340	301.340	0	0	0	0	0	0	301.340			
	Phòng Kinh tế xã	301.340	0			301.340	301.340							301.340	Phòng Kinh tế xã		
5.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	27.228.124	0		0	27.228.124	27.228.124	0	0	0	0	0	0	27.228.124			
	Phòng Kinh tế xã	27.228.124	0			27.228.124	27.228.124							27.228.124	Phòng Kinh tế xã		
III	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.746.765.204	0		0	10.746.765.204	10.746.765.204	0	0	0	0	0	0	10.746.765.204		Thực hiện theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (10511)	162.000.000	0		0	162.000.000	162.000.000	0	0	0	0	0	0	162.000.000		Đang rà soát đối tượng hỗ trợ	
	Phòng Kinh tế xã	162.000.000	0			162.000.000	162.000.000							162.000.000	Phòng Kinh tế xã		
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (10513)	8.116.327.360	0		0	8.116.327.360	8.116.327.360	0	0	0	0	0	0	8.116.327.360			
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	6.700.327.360	0		0	6.700.327.360	6.700.327.360	0	0	0	0	0	0	6.700.327.360		Chuyển nguồn nộp trả để bố trí thực hiện giai đoạn 2026-2030	
	Phòng Kinh tế xã	6.700.327.360	0			6.700.327.360	6.700.327.360							6.700.327.360	Phòng Kinh tế xã		

			Chuyển nguồn cấp có thẩm quyền xét duyệt	Chia ra		Chuyển nguồn theo quy định Không xin ý kiến xét duyệt của cấp có thẩm quyền	Chia ra		Kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước	Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc	Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng vào năm nay	0968		
				Chuyển nguồn dự toán	Chuyển nguồn tạm ứng		Chuyển nguồn dự toán	Chuyển nguồn tạm ứng						Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội		
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.416.000.000	0		0	1.416.000.000	1.416.000.000	0	0	0	0	0	0	1.416.000.000		
	Phòng Kinh tế xã	1.416.000.000	0			1.416.000.000	1.416.000.000							1.416.000.000	Phòng Kinh tế xã	Đã triển khai các thôn thực hiện mô hình nuôi bò sinh sản với 45 hộ tham gia 10/11 thôn . (Hỗ trợ 01 cặp bò mẹ, con)/25 triệu đồng. Đến nay đã hỗ trợ xi măng, tôn để các hộ đăng ký làm chuồng. Tổng kinh phí ước giải ngân đến cuối 6/2026: 1.263,15 triệu đồng.
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc (10514)	234.282.000	0		0	234.282.000	234.282.000	0	0	0	0	0	0	234.282.000		
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	234.282.000	0		0	234.282.000	234.282.000	0	0	0	0	0	0	234.282.000		
	Phòng Kinh tế xã	234.282.000	0			234.282.000	234.282.000							234.282.000	Phòng Kinh tế xã	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (00515)	1.831.083.000	0		0	1.831.083.000	1.831.083.000	0	0	0	0	0	0	1.831.083.000		
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	76.000.000	0		0	76.000.000	76.000.000	0	0	0	0	0	0	76.000.000		
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	76.000.000	0			76.000.000	76.000.000							76.000.000	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	
4.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
4.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	1.732.000.000	0		0	1.732.000.000	1.732.000.000	0	0	0	0	0	0	1.732.000.000		
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	1.732.000.000	0			1.732.000.000	1.732.000.000							1.732.000.000	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	
4.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	23.083.000	0		0	23.083.000	23.083.000	0	0	0	0	0	0	23.083.000		
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	23.083.000	0			23.083.000	23.083.000							23.083.000	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (10516)	800.000	0		0	800.000	800.000	0	0	0	0	0	0	800.000		
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	800.000	0			800.000	800.000							800.000	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (10518)	227.442.860	0		0	227.442.860	227.442.860	0	0	0	0	0	0	227.442.860		
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã (Hội Liên hiệp phụ nữ xã)	227.442.860	0			227.442.860	227.442.860							227.442.860	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã (Hội Liên hiệp phụ nữ xã)	
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	11.828.000	0		0	11.828.000	11.828.000	0	0	0	0	0	0	11.828.000		

